



ISO 9001:2008

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐH DÂN LẬP HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 268 /2011/QĐ-HT

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2011

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

Căn cứ :

- Quyết định số 792 QĐ/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ Tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
  - Quyết định số 3027/ QĐ/GDDT ngày 29/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng trường.
  - Quyết định số 86/2000 QĐTTg ngày 18/7/2000 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Đại học Dân lập.
  - Quyết định số 60/2007/ QĐ-BGDĐT ngày 16/10/2007 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp hệ chính quy.
  - Tình hình và điều kiện thực tế của trường.
- Xét đề nghị của Trường Ban Công tác sinh viên.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1** : Nay ban hành Quy định về việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên trường Đại học dân lập Hải Phòng.

**Điều 2** : Quy định này được áp dụng từ năm học 2010 – 2011, các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3**: Các ông, bà Trưởng, Phó Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch Tài chính, Ban Công tác sinh viên, BCH Đoàn trường, Hội sinh viên, các Bộ môn, các đơn vị liên quan và các lớp chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Nơi nhận:

- Vụ HSSV : để báo cáo.
- Như điều 3
- Lưu

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị



## **QUY ĐỊNH**

### **Về việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên**

(Ban hành theo Quyết định số /2011/QĐ-HT ngày tháng năm 2011)

#### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Phạm vi áp dụng điều chỉnh: Quy định này hướng dẫn nội dung, căn cứ, khung thang điểm, quy trình đánh giá, phân loại kết quả rèn luyện và sử dụng kết quả điểm rèn luyện của sinh viên.

Đối tượng áp dụng: Sinh viên hệ chính quy.

##### **Điều 2. Mục đích**

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên nhằm mục đích:

1. Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

2. Đưa ra những tiêu chí cụ thể, giúp sinh viên rèn luyện bản thân trong suốt quá trình học tập tại trường.

##### **Điều 3. Yêu cầu**

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là việc làm thường xuyên của nhà trường.

2. Quá trình đánh giá phải đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và dân chủ.

##### **Điều 4. Nội dung đánh giá và thang điểm**

1. Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của từng sinh viên theo các tiêu chí:

a) Ý thức học tập (0 ÷ 30điểm);

b) Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường (0 ÷ 25điểm);

c) Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội (0 ÷ 20điểm);

d) Phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng (0 ÷ 15điểm);

e) Ý thức, kết quả tham gia công tác lớp, đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên (0 ÷ 10điểm).

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

**Chương II**  
**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ KHUNG ĐIỂM**

**Điều 5. Tiêu chí 1: Đánh giá về ý thức học tập**

Căn cứ để xác định điểm là tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học (0÷30 điểm).

▪ Về ý thức học tập:	15(điểm)	Ghi chú
• Đi học đầy đủ	6	
➤ Nghỉ học 1 lần;	5	
➤ Nghỉ học 2 lần;	4	
➤ Nghỉ học 3 lần;	3	
➤ Nghỉ học 4 lần trở lên;	0	
• Không trốn tiết, bỏ giờ	5	
➤ Trốn tiết, bỏ giờ 1 lần;	4	
➤ Trốn tiết, bỏ giờ 2 lần;	2	
➤ Trốn tiết, bỏ giờ 3 lần trở lên;	0	
• Ý thức học tập (Không nói chuyện riêng, mất trật tự, làm việc riêng trong lớp ...)	4	
➤ Vi phạm 2 lần;	3	
➤ Vi phạm 3 lần;	2	
➤ Vi phạm 4 lần trở lên;	0	
▪ Kết quả học tập (điểm thi lần 1):	5	
• ĐTBCHT từ 7.00 trở lên;	5	
• ĐTBCHT từ 6.00 đến cận 7.00;	4	
• ĐTBCHT từ 5.00 đến cận 6.00;	3	
• ĐTBCHT nhỏ hơn 5.00;	0	
▪ Chấp hành nghiêm chỉnh quy chế thi:	10	
• Bị khiển trách tại phòng thi		
➤ Bị khiển trách trừ 25% điểm bài thi lần 1;	5	
➤ Bị khiển trách trừ 25% điểm bài thi lần 2;	2	
➤ Bị khiển trách trừ 25% điểm bài thi lần 3;	0	
• Bị cảnh cáo tại phòng thi		
➤ Bị cảnh cáo trừ 50% điểm bài thi lần 1;	2	
➤ Bị cảnh cáo trừ 50% điểm bài thi lần 2;	0	
• Bị đình chỉ thi lần 1(Cảnh cáo toàn trường).	0	
• Bị đình chỉ thi lần 2 trong 2 học kỳ liên tiếp (Cảnh cáo toàn trường và đình chỉ học tập 1 học kỳ).	0	

**Điều 6. Tiêu chí 2: Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường (0÷25 điểm)**

<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Về ý thức bảo vệ tài sản, giữ vệ sinh môi trường, nếp sống văn hóa:</li> </ul>	10(điểm)	Ghi chú
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Giữ vệ sinh nơi công cộng; trực nhật lớp học, phòng ở KSSV đầy đủ;</li> </ul>	4	
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bảo vệ tài sản của Nhà trường.</li> </ul>	2	
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có nếp sống văn hóa ( không hút thuốc, không ăn quà trong lớp, không xả rác bừa bãi...);</li> </ul>	4	
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Đóng học phí đầy đủ và đúng hạn( SV có đơn xin nộp chậm học phí được Hiệu trưởng đồng ý coi là đúng hạn ).</li> </ul>	6	
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Gửi xe trong trường, mua vé xe đúng hạn.</li> </ul>	7	
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Chấp hành các nội quy, quy định khác của Nhà trường.</li> </ul>	2	

**Điều 7. Tiêu chí 3: Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội (0÷20 điểm).**

<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Có ý thức tham gia các hoạt động phong trào .</li> </ul>	6(điểm)	Ghi chú
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tích cực tham gia các hoạt động:</li> </ul>	8	
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tích cực tham gia phong trào học tập, rèn luyện...</li> </ul>	3	
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tích cực tham gia các công tác đoàn thể ( Văn hóa, văn nghệ, thể thao, sinh viên tình nguyện, hiến máu nhân đạo...);</li> </ul>	5	
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tham gia phòng chống tệ nạn xã hội ....</li> </ul>	3	
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Có thành tích trong các hoạt động phong trào.</li> </ul>	3	

**Điều 8. Tiêu chí 4: Đánh giá về phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng (0÷15 điểm).**

<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ý thức chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.</li> </ul>	5(điểm)	Ghi chú
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ý thức tham gia công tác xã hội và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.</li> </ul>	5	
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ý thức quan hệ cộng đồng, tinh thần giúp đỡ bạn bè, cứu mang người gặp khó khăn.</li> </ul>	5	

**Điều 9. Tiêu chí 5: Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên (0 ÷ 10 điểm).**

Thành phần	Thành tích(điểm)			Ghi chú
	Xuất sắc	Tốt	khá	
▪ Lớp trưởng, Bí thư, tổ trưởng sinh viên xung kích, UVBCH Đoàn trường, UV Hội sinh viên.	10	8	6	
▪ Lớp phó, Phó Bí thư, Trưởng phòng ở sinh viên, tổ trưởng sinh viên tự quản, Cán sự lớp môn học.	8	6	4	
▪ Các thành viên tham gia phụ trách các câu lạc bộ, chi hội Hội sinh viên, UV BCH Chi đoàn, sinh viên tự quản, sinh viên xung kích và các sinh viên có thành tích nổi bật.	6	4	2	

### **Chương III**

#### **PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH**

#### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN**

**Điều 10. Phân loại kết quả rèn luyện.**

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình khá, trung bình, yếu và kém.

- a) Từ 90 đến 100 điểm : loại xuất sắc;
- b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- c) Từ 70 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- d) Từ 60 đến dưới 70 điểm: loại trung bình khá;
- đ) Từ 50 đến dưới 60 điểm: loại trung bình;
- e) Từ 30 đến dưới 50 điểm: loại yếu;
- g) Dưới 30 điểm : loại kém.

2. Những sinh viên bị khiển trách và cảnh cáo tại phòng thi khi phân loại điểm rèn luyện hạ một bậc; Những sinh viên kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên khi phân loại kết quả rèn luyện không vượt quá loại trung bình.

**Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện.**

Trong quá trình học tập và rèn luyện, các thông tin về hoạt động của SV được cập nhật vào phần mềm quản lý.

1. Sau khi kết thúc học kỳ, từng sinh viên căn cứ vào quy định này tự đánh giá, cho điểm rèn luyện và xếp loại cho bản thân theo mẫu chung được cung cấp

tại cổng thông tin điện tử SV (Ban CTSV gửi kèm các thông tin đã hoạt động của SV trong học kỳ).

2. CBQLSV đánh giá ĐRL của SV ngành mình phụ trách.

3. Căn cứ bản tự đánh giá ĐRL của SV, ĐRL của CBQLSV ngành, Ban CTSV phối hợp cùng BCH Đoàn trường, Hội SV, cán sự lớp môn học và bộ phận liên quan bình xét.

Kết quả xếp loại được thông báo lại cho sinh. Sinh viên có quyền khiếu nại nếu thấy không hợp lý.

4. Trưởng Ban CTSV xem xét kết quả điểm rèn luyện của từng sinh viên trình Hội đồng duyệt.

5. Sau khi Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường thông qua, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận.

6. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên được công bố công khai.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ**

#### **Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện.**

Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp trường là cơ quan tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

a) Thành phần Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng Nhà trường.

- Thường trực Hội đồng: Trưởng ban Công tác sinh viên.

- Các uỷ viên: Đại diện Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, P. Đào tạo, Thanh tra, Các cán bộ quản lý sinh viên.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên: căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của Trưởng ban CTSV tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên, đề nghị hiệu trưởng công nhận.

#### **Điều 13. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện**

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên được tiến hành theo từng học kỳ, năm học và toàn khoá học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết của trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi nhà trường xem xét cho học tiếp thì thời gian nghỉ học không tính điểm rèn luyện.

4. Điểm rèn luyện toàn khoá là trung bình chung của điểm rèn luyện các năm học của khoá học đã được nhân hệ số và được tính theo công thức sau:

$$R = \frac{\sum_{i=1}^N r_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

- a) R là điểm rèn luyện toàn khoá;
- b)  $r_i$  là điểm rèn luyện của năm học thứ  $i$ ;
- c)  $n_i$  là hệ số của năm học thứ  $i$ .

Năm thứ 1:  $n_1=1$ ;

Năm thứ 2:  $n_2=1.1$ ;

Năm thứ 3:  $n_3=1.2$ ;

Năm thứ 4:  $n_4=1.3$ ;

Năm thứ 5:  $n_5=1.4$ ;

d) N là tổng số năm học của khoá học. Nếu năm học cuối chưa đủ một năm học được tính tròn thành một năm học.

#### **Điều 14. Sử dụng kết quả rèn luyện**

1. Kết quả phân loại rèn luyện toàn khoá học của từng sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của trường và ghi vào bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện của từng sinh viên khi ra trường.

2. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc trong từng năm được nhà trường khen thưởng.

3. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm học thì phải tạm ngừng học một năm học ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện kém cả năm lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

#### **Điều 15. Khiếu nại**

Sinh viên có quyền khiếu nại lên các phòng, ban chức năng hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, nhà trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định hiện hành.

**HIỆU TRƯỞNG**

Đã ký

**GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị**